LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC & KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST
VNTEST INSTITUTE FOR QUALITY TESTING AND INSPECTION
Đc: Số 07, Ngách 168/21, Đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024.66.86.76.38 - Email: info@vntest.vn - Website: www.vntest.vn

Mã số/ Code: DV241018.06/02

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULT

I. THÔNG TIN CHUNG/ GENERAL INFORMATION

1. **Tên Khách hàng/** *Customer's Name* : **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP BẢO ANH**
2. **Địa chỉ/** *Address* : Khu Thanh Bình, Phường Thanh Vinh, Thị Xã Phú Thọ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
3. **Tên mẫu thử/** *Name of Sample* : **Đông trùng hạ thảo - Ancordy Premium**
4. **Mô tả mẫu/** *Sample Description* : Mẫu bao gói kín
5. **Ngày nhận mẫu/** *Date sample received* : 18/10/2024
6. **Thời gian lưu mẫu/** *Sample retention time* : Không có mẫu lưu
7. **Ngày thử nghiệm/** *Date of test* : 18/10/2024-25/10/2024
8. **Ngày trả kết quả/** *Date of issue* : 25/10/2024

II. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ RESULT TABLE

STT *No.*	Chỉ tiêu *Parameter(s)*	Đơn vị *Unit*	Kết quả *Result(s)*	Phương pháp thử *Test Method*
1	Cadimi (Cd)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	TCVN 8126:2009
2	Chì (Pb)*	mg/kg	KPH (LOD = 0,025)	TCVN 8126:2009
3	Dư lượng thuốc BVTV nhóm Cúc (Pyrethroid - Pes)			
3.1	Tetramethrin*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
3.2	Phenothrin*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
3.3	Permethrin*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
3.4	Cyfluthrin*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
3.5	Fenvalerate*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
3.6	Deltamethrin*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01
3.7	Cypermethrin*	mg/kg	KPH (LOD = 0,01)	AOAC 2007.01

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be repoduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rulal development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not acccept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*

Mã số/ Code: DV241018.06/02

STT No.	Chỉ tiêu Parameter(s)	Đơn vị Unit	Kết quả Result(s)	Phương pháp thử Test Method
4	*E. coli**	CFU/g	KPH (LOD = 10)	TCVN 7924-2:2008
5	*Salmonella spp.**	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú/ *Note:*

- KPH: Không phát hiện.

- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

- Thuốc BVTV: Thuốc bảo vệ thực vật

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
QC Manager

VŨ THỊ KIM THANH

VIỆN TRƯỞNG
DIRECTOR

LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
VIỆN KIỂM NGHIỆM VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG VNTEST

ThS. TRỊNH CÔNG SƠN

1. *Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test result in this report are valid only for the items tested.*
2. *Không được trích dẫn một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của VNTEST/ This report will not be repoduced or republished without VNTEST approval.*
3. *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and customer are written as customer's request.*
4. *Các chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 đánh dấu (*), thực hiện bởi nhà thầu phụ đánh dấu (**)/ Items are accredited ISO/IEC 17025:2017 (*), Items are tested by subcontractors (**).*
5. *Chỉ tiêu được Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn chỉ định đánh dấu (a), được Bộ Tài nguyên & Môi trường cấp giấy chứng nhận Vimcerts đánh dấu (b)/ Items designated by Ministry of agriculture and rulal development (a), The Ministry of Natural Resources and Environment issued a certificate of eligibility to provide environmental monitoring services (b).*
6. *Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết hạn lưu mẫu theo quy định/ We shall not acccept any complaint in case the retention samples are expired or lack of retention samples.*